TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2024/HSST
Ngày: 04/9/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2024 tại Hội trường A - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 227/2024/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2024/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Ngọc T**, sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hà Ngọc K (đã chết); Con bà Trương Thị T, sinh năm: 1968. Bị cáo có vợ là Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1991; Bị cáo có 01 con sinh năm 2022. Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 29/02/2024, cho đến nay. (Có mặt).

- Bị hại: Ông Trần Minh T, sinh năm 1978; Địa chỉ: 33 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1987; Địa chỉ: 186 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1996; Địa chỉ: 200 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Ngọc T, sinh năm 1990, trú tại Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk với anh Trần Minh T, sinh năm 1978, trú tại T4, phường T, thành phố B (Minh T làm nghề cho thuê xe ô tô tự lái), có mối quan hệ quen biết nhau.

Khoảng tháng 8 năm 2023, Hà Ngọc T do làm ăn thua lỗ, nợ tiền nhiều người không có khả năng trả nợ nên nảy sinh ý định thuê xe ô tô của anh Trần Minh T mang đi cầm cố thế chấp lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn khỏi địa phương, cụ thể.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 Hà Ngọc T đi đến dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái của anh Trần Minh T ở địa chỉ 33 đường N, phường T, thành phố B, gặp anh Trần Minh T để thuê xe ô tô. Khi gặp anh Minh T thì Hà Ngọc T đã nói dối với anh Trần Minh T là cho thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát 47A - 220.94, màu đỏ để làm phương tiện đi lại, không lập hợp đồng thuê xe sau khi trả xe thì sẽ tính tiền thuê xe làm cho anh Trần Minh T tin tưởng nên đã đưa xe ô tô biển kiểm soát 47A - 220.94 cùng giấy tờ xe gồm: 01 chứng nhận kiểm định số DA4491517; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của chủ xe ô tô số AD11/1180782; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 054142 (bản phô tô) cho Hà Ngọc T. Sau khi thuê xe ô tô của anh Trần Minh T thì Hà Ngọc T không dùng làm phương tiện đi lại mà liên hệ anh Nguyễn Mạnh C (sinh năm 1996, trú tại: T3A, thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk) nói dối xe ô tô biển kiểm soát 47A - 220.94 là của Hà Ngọc T và anh Trần Minh T đồng sở hữu nhờ anh C tìm giúp người nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47A - 220.94. Anh C giới thiệu Hà Ngọc T liên hệ anh Nguyễn Thế D (sinh năm 1987, trú tại T7A, phường T, thành phố B) thì anh D đồng ý nhận cầm cố xe ô tô. Do không ở nhà nên anh D chuyển số tiền cầm cố xe ô tô qua tài khoản Vietcombank số tiền 20.000.000 đồng cho anh Cg để anh C đưa cho cho Hà Ngọc T. Sau đó, Hà Ngọc T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47A - 220.94 đến nhà anh C, ở địa chỉ 186 đường Đ, phường T, thành phố B, gặp anh D viết 01 giấy cầm cố thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 47A - 220.94 cho anh D với tổng số tiền 60.000.000 đồng, rồi anh D dùng tài khoản ngân hàng TP Bank số 01416481001 chuyển số tiền 40.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0231000693861 cho Hà Ngọc T. Số tiền này Hà Ngọc T sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 09/10/2023, Hà Ngọc T liên lạc với anh D cho vay thêm số tiền 10.000.000 đồng thì anh D đồng ý và chuyển số tiền 6.400.000 đồng từ tài khoản ngân hàng TP Bank số 01416481001 của anh D đến tài khoản ngân hàng số 0231000693861 của Hà Ngọc T và hẹn gặp ngày hôm sau để nhận số tiền 3.600.000 đồng còn lại và viết lại giấy tờ cầm cố. Sau đó Hà Ngọc T không có tiền chuộc xe, không trả xe ô tô cho anh Trần Minh T nên cắt liên lạc

và bỏ trốn đến tỉnh Lâm Đồng. Đến ngày 28/02/2024 anh Trần Minh T làm đơn trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để xử lý.

Vật chứng tạm giữ: 01 biên nhận thế chấp ngày 03/10/2023, chủ hiện vật đề tên "Hà Ngọc T"; 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại 3 BL-AT, màu đỏ, số máy B15423Z6; số khung: 4ZA4DC002371, biển kiểm soát 47A-220.94; 01 chứng nhận kiểm định số DA4491517; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số AD11/1180782; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 054142, để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66 ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Tp.B, kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại 3 BL-AT, màu đỏ, số máy B15423Z6; số khung: 4ZA4DC002371, biển kiểm soát 47A-220.94, sản xuất năm 2013, trị giá 280.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 439 ngày 15/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Ngọc T dưới mục "CHỦ HIỆN VẬT" trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Hà Ngọc T trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 đến M4, do cùng một người ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định số 438 ngày 29/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển kiểm soát 47A-220.94 số khung, số máy không thay đổi.

Tại bản cáo trạng số: 235/CT-VKS-HS ngày 01/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã truy tố bị cáo Hà Ngọc T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hà Ngọc T theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt: Bị cáo **Hà Ngọc T** mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại giấy tờ và chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, màu đỏ, biển kiểm soát 47A-220.94 là tài sản của anh Trần Minh T nhận quản lý, sử dụng.

-*Về trách nhiệm dân sự*: Đề nghị buộc bị cáo Hà Ngọc T bồi thường số tiền 66.400.000 đồng cho anh Nguyễn Thế D.

Anh Trần Minh T không yêu cầu bị cáo Hà Ngọc T bồi thường số tiền thuê xe nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Qua kết quả tranh luận và lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Ngọc T đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ Luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm;

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng"

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết và nhận thức rõ tài sản của người khác không thuộc quyền sở hữu của mình thì bất khả xâm phạm nhưng bị cáo vẫn nảy sinh ý định lừa để chiếm đoạt tài sản của người khác nên vào ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại tiệm dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái nhà anh Trần Minh T, ở địa chỉ 33 đường N, phường T, thành phố B, bị cáo Hà Ngọc T đã lừa để chiếm đoạt tài sản của anh Trần Minh T chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát 47A-220.94 mang đi cầm cố lấy số tiền 66.400.000 đồng để trả nợ, tiêu xài hết. Sau đó Hà Ngọc T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Giá trị của chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát 47A-220.94

là 280.000.000 đồng. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Xét về nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Từ những nhận định nêu trên với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về phần xử lý vật chứng:* Cần chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, màu đỏ, biển kiểm soát 47A-220.94 và giấy tờ là tài sản của anh Trần Minh T nhận quản lý, sử dụng.

-*Về phần trách nhiệm dân sự:* Cần buộc bị cáo Hà Ngọc T bồi thường số tiền 66.400.000 đồng cho anh Nguyễn Thế D.

Anh Trần Minh T không yêu cầu bị cáo Hà Ngọc T bồi thường số tiền thuê xe nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hà Ngọc T** 08 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/02/2024.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về phần xử lý vật chứng*: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, màu đỏ, biển kiểm soát 47A-220.94 và giấy tờ là tài sản của anh Trần Minh T nhận quản lý, sử dụng.

-*Về phần trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo Hà Ngọc T phải bồi thường số tiền 66.400.000 đồng (sáu mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) cho anh Nguyễn Thế D.

Anh Trần Minh T không yêu cầu bị cáo Hà Ngọc T bồi thường số tiền thuê xe nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hà Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.320.000 đồng án phí DSST đối với số tiền phải bồi thường.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.B;
- Công an Tp.B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

+

σ